

Số: 377/2020/QĐST-HNGĐ

Châu Thành, ngày 10 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 527/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Lê Hồng K, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Khóm N, phường M, thành phố Q, tỉnh Vĩnh Long.

Chị Nguyễn Song Tường V, sinh năm 1992.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh K và chị V tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tiên Thủy, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào tháng 02 năm 2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tháng 02 năm 2017 thì vợ chồng phát sinh nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm thấy tiếng nói chung, nên thường xuyên cãi nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, anh K và chị V không còn tình cảm với nhau. Anh K và chị V yêu cầu Tòa giải quyết công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị. Từ những căn cứ nêu trên có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của anh K và chị V đã không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh K và chị V là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: anh K và chị V có một con chung tên Lê Nguyễn Thiện Phúc sinh ngày 30/10/2015. Anh K và chị V thống nhất chị V sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng Lê Nguyễn Thiện Phúc và anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Phúc đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: anh K và chị V thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: anh K và chị V đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Anh K và chị V không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Lê Hồng K với chị Nguyễn Song Tường V thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh K và chị V thống nhất chị V sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng Lê Nguyễn Thiện P sinh ngày 30/10/2015. Anh Lê Hồng K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: anh K và chị V thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

- Về nợ chung: anh K và chị V đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

- Ghi nhận sự tự nguyện của anh K và chị V không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

2. Lệ phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Anh K và chị V mỗi người chịu 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng mà **chị V** đã tự nguyện nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số **0001532** ngày **16/10/2020** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Anh K và chị V đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*** Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS;
- **UBND xã Tiên Thủy;**
- Lưu.

THẨM PHÁN

Trần Thị Ánh